

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 731/2024/HC-PT

Ngày: 15 - 7 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai về Bồi
thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước
thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 102/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2141/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 947/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn M (có mặt)

Địa chỉ: đường H, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn M: Ông Bùi Trường Ch - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người Bị kiện:

1/. Ủy Ban nhân dân (UBND) huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Chủ tịch Ủy Ban nhân dân (UBND) huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người Bị kiện: Ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch UBND huyện B. (có văn Bản xin xét xử vắng mặt)

Người Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người Bị kiện:

+ Ông Trần Ngọc V - Phó trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt Bằng huyện B. (có mặt)

+ Ông Đoàn Thái Th - Phó trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ dự án số 1 thuộc Ban Bồi thường giải phóng mặt Bằng huyện B. (có mặt)

+ Bà Dương Thị Kim H - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B. (vắng mặt)

- **Người kháng cáo:** UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn M trình Bày:

Ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định số 8109/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy Ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về Bồi thường khi thu hồi đất; Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn M.

Vì các lý do sau: Theo Quyết định số 8109/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND huyện B kèm theo Phiếu chiết tính số 4152/PCT-BBT ngày 30/8/2018 thì UBND huyện thu hồi của ông M phần đất có diện tích 1.479m², gồm: nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc có diện tích 1.247,83m² và 29 loại cây trồng, hoa màu các loại nhưng chỉ Bồi thường cho ông với số tiền là 9.984.500 đồng là tiền Bồi thường 29 loại cây trồng, hoa màu; còn đất và nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc không Bồi thường.

Ngày 06/3/2019, ông khiếu nại Quyết định số 8109/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 nhưng mãi đến 13/4/2021 Chủ tịch UBND huyện mới Ban hành Quyết định số 3677/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung “Công nhận Quyết định số 8109/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND huyện B Chánh về Bồi thường cho ông Nguyễn Văn M Bị ảnh hưởng trong Dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị S-V tại xã L là đúng”; Không công nhận các nội dung ông Nguyễn Văn M khiếu nại. Cùng ngày 13/4/2021, UBND huyện có Thư xin lỗi số 260/TXL vì không đảm Bảo thời gian theo quy định về trả kết quả giải quyết khiếu nại.

Phần đất này, ông M nhận chuyển nhượng từ năm 1991 có xác nhận của UBND xã L vào ngày 09/11/1991 và khi xây dựng nhà ở, các công trình trên đất ông có làm đơn xin cấp đất để sản xuất cũng có xác nhận cấp đất của UBND xã L ngày 09/11/1991.

Ông M có đăng ký kê khai sử dụng đất theo đúng chủ trương của Nhà nước và có đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo Biên lai thu của Chi cục

thuế huyện B.

Người Bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B trình Bày:

1/. Về nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn M: Yêu cầu Bồi thường phần đất Bị ảnh hưởng Dự án có diện tích 1.749m² thuộc một phần thửa 244, tờ Bản đồ số 6, theo tài liệu 299/TTg (tương ứng một phần thửa 71, tờ Bản đồ số 38, theo tài liệu đo mới năm 2003), xã L theo đơn giá 10.000.000 đồng/m² (mười triệu đồng/m²); Yêu cầu Bồi thường vật kiến trúc, nhà xưởng theo đơn giá 3.000.000 đồng/m² (Ba triệu đồng/m²).

2/. Về kết quả xác minh nội dung khiếu nại:

Ngày 06/9/2018, UBND huyện Ban hành Quyết định số 8109/QĐ-UBND về Bồi thường cho ông Nguyễn Văn M, Bị ảnh hưởng trong dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị S-V tại xã L, huyện B, địa chỉ thường trú: ấp 3, xã B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ giải toả: thuộc một phần thửa 244, tờ Bản đồ số 6, theo tài liệu 299/TTg (tương ứng với một phần thửa 71, tờ Bản đồ số 38, theo tài liệu đo mới năm 2003) thuộc Bộ địa chính xã L (đính kèm Phiếu chiết tính số 4152/PCT-BBT ngày 30/8/2018 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt Bằng huyện B). Cụ thể như sau:

- Đất mặt tiền đường M (thuộc một phần thửa 244, tờ Bản đồ số 6, theo tài liệu 299/TTg; tương ứng với một phần thửa 71, tờ Bản đồ số 38, theo tài liệu đo mới năm 2003, thuộc Bộ địa chính xã L). Diện tích 1.749m² (mục đích sử dụng làm xưởng, không Bồi thường, hỗ trợ).

- Công trình xây dựng, vật kiến trúc (Mục đích sử dụng làm nhà xưởng không Bồi thường, hỗ trợ).

- Bồi thường cây trồng, hoa màu 9.984.500 đồng.

Tổng chi phí Bồi thường, hỗ trợ 9.984.500 (Chín triệu, chín trăm tám mươi Bốn nghìn năm trăm) đồng.

Khi nhận được Quyết định số 8109/QĐ-UBND ngày 06/9/2018, ông Nguyễn Văn M không đồng ý nên gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện. Sau khi tiến hành thẩm tra, kết quả xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất như sau:

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Đo đạc Vạn Phú Hưng lập ngày 02/01/2013 (SLID 12-112), được UBND xã L xác nhận ngày 24/9/2013, thể hiện vị trí đất trong ranh Dự án có diện tích 1.749m² thuộc một phần thửa 244, tờ Bản đồ số 6, theo tài liệu 299/TTg (tương ứng với một phần thửa 71, tờ Bản đồ số 38, theo tài liệu đo mới năm 2003) thuộc Bộ địa chính xã L. Hiện trạng Bên trên: sân, vách tole, mái tole.

Tại Phần xác nhận ngày 06/01/2017 của UBND xã L xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với phần đất của ông Nguyễn Văn M như sau:

- Về nhà: ông Nguyễn Văn M là chủ sở hữu căn nhà tại xã L, có thời điểm tạo lập căn nhà và sử dụng nhà năm 1990, mục đích sử dụng căn nhà để sản xuất, nhà xây dựng không phép.

- Về đất: do ông Nguyễn Văn M trực tiếp sử dụng, thuộc thửa số 71, tờ Bản đồ số 38, mục đích sử dụng: T (Thổ); đất có nguồn gốc do Nông trường L quản lý (đất thuộc Nhà nước trực tiếp quản lý), hộ dân lấn chiếm chuyển nhượng giấy tay, sử dụng năm 1990; hiện trạng không tranh chấp.

Căn cứ Báo cáo số 2683/BC-UBND ngày 16/11/2020 của UBND xã L về nguồn gốc pháp lý thời điểm xây dựng sử dụng đất của 59/128 hộ dân đang khiếu nại, nằm cặp Bờ Kênh X Bị ảnh hưởng trong Dự án khu tái định cư S-V và dự án Khu đô thị S-V xã L (kèm danh sách), xác định: ông Nguyễn Văn M, số thứ tự số 27; diện tích Bị ảnh hưởng Dự án là 1.749m²; Nguồn gốc đất: đất có nguồn gốc của Nông trường L, hộ dân lấn chiếm sử dụng và chuyển nhượng Bằng giấy tay; thời điểm sử dụng đất năm 1990; thời điểm xây dựng công trình năm 1990.

Căn cứ Báo cáo số 3048/BC-UBND ngày 22/12/2020 của UBND xã L về nguồn gốc pháp lý thời điểm xây dựng sử dụng đất của 59/128 hộ dân đang khiếu nại, nằm cặp Bờ Kênh X Bị ảnh hưởng trong Dự án khu tái định cư S-V và dự án Khu đô thị S-V xã L, xác định:...

“27 Hộ sơ ông Nguyễn Văn M có thời điểm xây dựng được UBND xã L xác nhận năm 1990, về pháp lý xác nhận, công trình có thể hiện trên nền tài liệu Bản đồ địa chính năm 2005.”

Như vậy, phần đất ông Nguyễn Văn M đang sử dụng Bị ảnh hưởng Dự án có diện tích 1.749m² có nguồn gốc là đất do Nhà nước quản lý (Nông trường L quản lý), ông Nguyễn Văn M lấn chiếm sử dụng, xây dựng công trình, nhà xưởng để sản xuất từ năm 1990 đến nay, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3/. Về việc Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại:

Ngày 06/9/2018, UBND huyện Ban hành Quyết định số 8109/QĐ-UBND về Bồi thường cho ông Nguyễn Văn M (đính kèm Phiếu chiết tính số 4152/PCT-BBT ngày 30/8/2018 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt Bằng huyện B). Cụ thể như sau:

Căn cứ điểm c khoản 7 Phần II Chương II Phương án số 373/PA-HĐBT ngày 31/12/2008 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt Bằng của dự án đã được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 02/01/2009 (viết tắt là Phương án số 373/PA-HĐBT ngày 31/12/2008); Đất mặt tiền đường M (thuộc một phần thửa 244, tờ Bản đồ số 6, theo tài liệu 299/TTg; tương ứng với một phần thửa 71, tờ Bản đồ số 38, theo tài liệu đo mới năm 2003, thuộc Bộ địa chính xã L); Diện tích 1.749m² (mục đích sử dụng làm nhà xưởng, không Bồi thường, hỗ trợ).

Căn cứ khoản 2 Phần III Chương III Phương án số 373/PA-HĐBT ngày 31/12/2008, công trình xây dựng, vật kiến trúc (Mục đích sử dụng làm nhà xưởng, không Bồi thường, hỗ trợ).

Căn cứ khoản 1 Phần IX Chương III Phương án số 373/PA-HĐBT ngày 31/12/2008, Bồi thường cây trồng, hoa màu: 9.984.500 đồng.

Tổng chi phí Bồi thường, hỗ trợ: 9.984.500 đồng (Chín triệu, chín trăm tám mươi Bốn nghìn năm trăm đồng).

4/. Cơ sở để Chủ tịch UBND huyện B Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3677/CD-UBND ngày 13/4/2021:

- Đối với nội dung ông Nguyễn Văn M yêu cầu Bồi thường phần đất Bị ảnh hưởng Dự án có diện tích 1.749m² theo đơn giá 10.000.000 đồng/m² (mười triệu đồng/m²):

Căn cứ khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP năm 2007 của Chính phủ, quy định:

“4. Hộ gia đình, cá nhân không được cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất được sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trong trường hợp tại thời điểm Bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm sau đây (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):

a) Vi phạm quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt và công khai;

b) Vi phạm quy hoạch chi tiết mặt Bằng xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt và công khai đối với diện tích đất đã giao cho tổ chức, cộng đồng dân cư quản lý;

c) Lấn, chiếm hành lang Bảo vệ an toàn công trình công cộng đã được công Bố, cắm mốc.

d) Lấn, chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè đã có chỉ giới xây dựng,

đ) Lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích công cộng, đất chuyên dùng, đất của tổ chức, đất chưa sử dụng và các trường hợp vi phạm khác đã có văn Bản ngăn chặn nhưng người sử dụng đất vẫn cố tình vi phạm.

Căn cứ điểm c, Khoản 7, Phần II Chương II Phương án số 373/PA-HĐBT ngày 31/12/2008 quy định:

“7. Trường hợp đất đang sử dụng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP hoặc diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất quy định tại Điều 70 của Luật Đất đai và khoản 1 Điều 69 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP nhưng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất không được Bồi thường về đất, nhưng được xét hỗ trợ theo mục đích đang sử dụng như sau:

c) Không tính hỗ trợ trong trường hợp mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở (đất chuyên dùng).”.

Kết quả xác minh tại Mục 1, Phần II Quyết định này và pháp lý nêu trên, xác định phần đất ông Nguyễn Văn M đang sử dụng Bị ảnh hưởng Dự án có diện tích 1.749m² có nguồn gốc là đất do Nhà nước quản lý, ông Nguyễn Văn M sử dụng, xây dựng xưởng sản xuất năm 1990 đến nay không đủ Điều kiện Bồi thường theo quy định. Do đó, căn cứ điểm a, Khoản 7, Phần II Chương II

Phương án, UBND huyện không Bồi thường, hỗ trợ cho phần đất diện tích 1.749m² là đúng quy định.

- Việc ông Nguyễn Văn M khiếu nại yêu cầu Bồi thường phần đất Bị ảnh hưởng Dự án có diện tích 1.749m² theo đơn giá 10.000.000 đồng/m² (mười triệu đồng/m²) là sai.

Đối với nội dung ông Nguyễn Văn M khiếu nại yêu cầu Bồi thường vật kiến trúc, nhà xưởng theo đơn giá 3.000.000 đồng/m² (Ba triệu đồng/m²):

Căn cứ Khoản 4, Phần I Chương III Phương án số 373/PA-HĐBT ngày 31/12/2008 quy định:

Nhà, công trình khác gắn liền với đất được xây dựng mà tại thời điểm xây dựng đã trái với mục đích sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được xét duyệt hoặc công Bố thì không được Bồi thường, hỗ trợ.

Kết quả xác minh tại mục 2, Phần II Quyết định này xác định ông Nguyễn Văn M xây dựng công trình, nhà xưởng năm 1990, không có giấy phép xây dựng trên phần đất Bị ảnh hưởng Dự án có nguồn gốc do Nhà nước quản lý (Nông trường L) nên không đủ điều kiện Bồi thường theo quy định.

Việc ông Nguyễn Văn M khiếu nại yêu cầu Bồi thường vật kiến trúc, nhà xưởng theo đơn giá 3.000.000 đồng/m² (Ba triệu đồng/m²) là sai.

Từ những cơ sở trên, việc Chủ tịch UBND huyện Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3677/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 là đúng quy định. Đề nghị Tòa án giữ nguyên nội dung Quyết định số 3677/QĐ-UBND và không công nhận nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2141/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc:

- Hủy Quyết định số 8109/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy Ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về “Bồi thường cho ông Nguyễn Văn M; địa chỉ thường trú: C3/124/16 ấp 3, xã B1, huyện B Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa: Thuộc một phần thửa 244, tờ Bản đồ số 6 theo Tài liệu 299/TTg (tương ứng với một phần thửa 71, tờ Bản đồ số 38, theo tài liệu đo mới năm 2003) thuộc Bộ địa chính xã L, huyện B, trong Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị S-V tại xã L Minh Xuân, huyện B”.

- Hủy Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn M, địa chỉ: C3/124/16 ấp 3, xã B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (cư trú: 113 H, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) (lần đầu)”.

- Buộc Ủy Ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/11/2023, UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B có đơn kháng cáo toàn Bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người Bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng Bác toàn Bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Người khởi kiện và người Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử Bác kháng cáo của người Bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát Biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử Bác kháng cáo của người Bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người Bị kiện.

[2]. Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn M sử dụng diện tích 1.749m² thuộc một phần thửa 244, tờ Bản đồ số 6, theo tài liệu 299/TTg (tương ứng với một phần thửa 71, tờ Bản đồ số 38, theo tài liệu đo mới năm 2003), địa chỉ: A13/2 M, xã L, huyện B Bị giải tỏa thực hiện Dự án khu tái định cư S-V và dự án Khu đô thị S-V. Theo Sổ đăng ký ruộng đất (theo tài liệu 299/TTg), thửa đất 244 do Nông trường quốc doanh L đăng ký, diện tích 45.790m², loại ruộng đất: ĐS (đường sá).

Từ năm 1990, ông M Bắt đầu sang nhượng lại hoa màu dọc Bờ kênh X của các hộ dân để xin phép mở cơ sở P kinh doanh ép mía gia công, kết tinh đường (Giấy phép kinh doanh số 448 ngày 30/7/1993 và Giấy chứng nhận hành nghề sản xuất công nghiệp có điều kiện số 759/GCNHN/66 ngày 19/01/1998 (gia hạn đến

31/01/2000)), chính quyền địa phương đã đồng ý cho ông M sang nhượng hoa màu, mở cơ sở sản xuất nhưng ghi rõ phần đất ông M sử dụng là đất thuộc lộ giới kênh X. Như vậy, phần đất ông M sử dụng có nguồn gốc đất lấn chiếm của Nông trường quốc doanh L.

Ngày 21/8/1996, ông M lập Tờ khai sử dụng đất theo Chỉ thị 14/CT-UB-NC ngày 29/4/1996 (Tờ khai chỉ sử dụng cho cá nhân hộ gia đình sử dụng đất công, chưa hợp pháp vào mục đích kinh doanh), ông M kê khai diện tích là 2.400m², trong đó ngoài nhà xưởng phục vụ sản xuất còn có nhà ở diện tích 200m², nhà công nhân 20m². Đến năm 2005, ông M cho các con của ông một phần nhà ở, nhà xưởng, đất, diện tích đất còn lại của ông M là 1.749m². Quá trình sử dụng dụng đất, ông M có thực hiện nghĩa vụ thuế hàng năm, được Chi cục Thuế huyện B xác nhận.

Tại văn Bản số 3552/UBND ngày 03/11/2022, UBND xã L xác định về nhà ở, nhà xưởng của ông M như sau: Tổng diện tích đất Bị ảnh hưởng dự án là 1.749m², tổng diện tích xây dựng là 786,63m² (trong đó nhà ở là 50m², phần diện tích còn lại là 733,63m² là nhà xưởng cho thuê để sản xuất). Việc sử dụng đất của ông M và xây cất nhà, xưởng trên đất của ông M không Bị xử lý hành chính.

Tại đoạn 2, điểm a, khoản 7, Phần II, Chương II của Phương án 373/PA-HĐBT ngày 31/12/2008 quy định: “a. Trường hợp đất đưa vào sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993:

Mục đích sử dụng là đất ở thì được xét hỗ trợ là 30% đơn giá đất ở để tính Bồi thường. Diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá 100m²/hộ; phần diện tích còn lại (nếu có) không xét hỗ trợ về đất ở, được tính hỗ trợ theo đất nông nghiệp theo quy định nêu trên”.

Mặc dù ông M sử dụng đất công do Nhà nước quản lý nhưng đã có quá trình sử dụng đất từ năm 1990. Quá trình sử dụng có xây dựng nhà xưởng sản xuất và nhà ở trên đất nhưng không Bị xử phạt vi phạm hành chính; ngoài ra còn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh tại địa chỉ đất trên. Theo Phương án trên, UBND huyện B không tính hỗ trợ 30% đơn giá đất ở cho ông M đối với phần diện tích đất ở 50m² là không đúng. Mặt khác, phần nhà ở trên diện tích đất ở 50m² không được tính hỗ trợ Bằng 40% đơn giá xây dựng mới (suất vốn đầu tư) của nhà, công trình do UBND Thành phố Hồ Chí Minh Ban hành quy định tại Phần II, Chương II của Phương án cũng là không phù hợp. Tại địa chỉ A13/2 M, xã L (thuộc phần diện tích 1749m² Bị giải tỏa) ông M có lắp đặt 1 điện kế sinh hoạt và Trạm Biến áp “Hai Mai” (công suất 3x25kVA) là tài sản riêng của ông M (theo văn Bản số 5555/PCBC-KTAT ngày 30/8/2023 v/v xác nhận tình trạng vận hành TBT 3x25kVA tại A13/2 M, ấp 3, xã L, huyện B của Công ty Điện lực B) cũng chưa được Bồi thường theo điểm B, khoản 1, Phần VIII, Chương III của Phương án 373/PA-HĐBT ngày 31/12/2008. Về hỗ trợ chi phí di chuyển đối với nhà cấp 4, nhà tạm là 2.000.000 đồng/hộ theo quy định tại khoản 1, Phần I, Chương IV của Phương án 373/PA-HĐBT ngày 31/12/2008 đối với ông M cũng chưa được UBND huyện B thực hiện.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND huyện B chưa thực hiện đúng quy định về Bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông M; từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, hủy Quyết định số 8109/QĐ-UBND và Quyết định số 3677/QĐ-UBND, Buộc Ủy Ban nhân dân huyện B thực hiện việc Bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất lại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 2141/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc:

- Hủy Quyết định số 8109/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy Ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về “Bồi thường cho ông Nguyễn Văn M; địa chỉ thường trú: C3/124/16 ấp 3, xã B1, huyện B Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa: Thuộc một phần thửa 244, tờ Bản đồ số 6 theo Tài liệu 299/TTg (tương ứng với một phần thửa 71, tờ Bản đồ số 38, theo tài liệu đo mới năm 2003) thuộc Bộ địa chính xã L, huyện B, trong Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị S-V tại xã L Minh Xuân, huyện B”.

- Hủy Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn M, địa chỉ: C3/124/16 ấp 3, xã B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (cư trú: 113 H, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) (lần đầu)”.

- Buộc Ủy Ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

2/. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B, mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001278, 0001279 cùng ngày 27/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM
- ĐS (4);
- Lưu VP (5), HS (2).16B.NTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng